

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG**

Số: 3378/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hạ Long, ngày 13 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán chi sự nghiệp giáo dục do thực hiện điều chỉnh số lượng người làm việc theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND thành phố Hạ Long cho các cơ sở giáo dục công lập thuộc Thành phố năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4958/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thành phố về việc phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 24/6/2023 của UBND thành phố về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục do UBND thành phố quản lý giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND thành phố về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục do UBND thành phố quản lý giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND thành phố về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000 ngày 17/11/2000 của Chính phủ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND thành phố Hạ Long năm học 2023-2024;

Xét đề nghị của phòng Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 1742b/PGDĐT ngày 10/11/2023 và phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 452/TTr-TCKH ngày 13/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự toán đã phân bổ, bổ sung dự toán chi thường xuyên giao tự chủ cân đối từ nguồn ngân sách Nhà nước cho các cơ sở giáo dục công lập thuộc Thành phố năm 2023 do thực hiện điều chỉnh số lượng người làm việc theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND thành phố Hạ Long, số tiền: 4.453.000.000 đồng (**Bằng chữ: Bốn tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu đồng./.**).

(Chi tiết kèm theo phụ lục)

Nguồn kinh phí: Chi các hoạt động sự nghiệp chung của ngành giáo dục khác phát sinh trong năm đã phân bổ tại Quyết định số 4958/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thành phố Hạ Long.

Điều 2. Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện dự toán, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được giao đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc KBNN Quảng Ninh; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục có tên tại Điều 1; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. 

Nơi nhận:

- TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như điều 3;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sơn

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC DO ĐIỀU CHỈNH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC THEO QUYẾT ĐỊNH 2938/QĐ-UBND NGÀY 06/10/2023 CỦA UBND
THÀNH PHỐ HẠ LONG CHO CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 3378/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND Thành phố Hạ Long)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	 Họ tên	Biên chế (người)									Định biên (người)			Kinh phí còn được chi điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
		Biên chế giao dự toán 2023 (Theo QĐ 1999/QĐ- UBND, QĐ 3010/QĐ- UBND, các QĐ điều chỉnh trong năm)	Trong đó		Biên chế giao theo QĐ 2938 ngày 06/10/2023	Trong đó		Biên chế giao theo QĐ 2938 chênh lệch tăng (+), giảm (-) so với BC đã giao năm 2023	Trong đó							
			Số có mặt	Số biên chế không có mặt tạm giao quỹ tiền lương		Số có mặt	Số biên chế không có mặt tạm giao quỹ tiền lương		Biên chế tăng (+); giảm (-) người có mặt	Biên chế tăng (+); giảm (-) người không có mặt	Định biên ki 1/2023 QĐ 3584/QĐ- UBND ngày 21/9/2022	Định biên giao theo QĐ 2938	Chênh lệch định biên tăng (+), giảm (-)		Kinh phí cấp tăng (+), giảm (-)	Chỉ tiêu 10% tiết kiệm chi thường xuyên tăng (+), giảm (-)
	TỔNG	1.803	1.743	60	1.994	1.731	263	191	-12	203	2.112	2.009	-102	4.453	4.354	-99
I	Khối Mầm non	258	250	8	246	240	6	-12	-10	-2	263	246	-17	-735	-753	-18
1	Mầm non Thống Nhất	44			50			6		6	49	50	1	151	152	1
2	Mầm Non Lê Lợi	36			34			-2		-2	36	34	-2	-70	-72	-2
3	Mầm non Sơn Dương	33			32			-1	-1		33	32	-1	-72	-73	-1
4	Mầm non Quảng La - Dân Chủ	34			30			-4	-1	-3	34	30	-4	-181	-185	-4
5	Mầm non Tân Dân	21			19			-2	-2		21	19	-2	-105	-107	-2
6	Mầm Non Vũ Oai	16			15			-1	-1		16	15	-1	-72	-73	-1
7	Mầm non Đồng Lâm	33			28			-5	-4	-1	33	28	-5	-266	-272	-6
8	Mầm non Đồng Sơn	28			26			-2		-2	28	26	-2	-79	-81	-2
9	Mầm non Kỳ Thượng	13			12			-1	-1		13	12	-1	-41	-42	-1
II	Khối Tiểu học	1.011	999	12	1.139	1.003	136	128	4	124	1.207	1.139	-68	3.367	3.304	-63
1	TH Hạ Long	74			80			6		6	84	80	-4	128	124	-4
2	TH Trần Hưng Đạo	71			79			8		8	81	79	-2	198	196	-2
3	TH Võ Thị Sáu	29			34			5	1	4	37	34	-3	221	218	-3
4	TH Cao Thắng	55			68			13	1	12	69	68	-1	451	450	-1
5	TH Hữu Nghị	27			30			3		3	29	30	1	88	89	1
6	TH Lê Hồng Phong	51			54			3	1	2	60	54	-6	186	181	-5
7	TH Quang Trung	53			62			9	1	8	67	62	-5	225	220	-5
8	TH Trần Quốc Toản	51			53			2		2	56	53	-3	29	26	-3
9	TH Hà Lâm	57			62			5		5	69	62	-7	77	71	-6
10	TH Cao Xanh	45			53			8		8	55	53	-2	198	196	-2
11	TH Minh Hà	37			43			6	-2	8	43	43	0	163	163	
12	TH Bãi Cháy	76			84			8	-1	9	90	84	-6	164	159	-5
13	TH Đại Yên	36			46			10	2	8	45	46	1	293	294	1
14	TH Lý Thường Kiệt	96			104			8	-1	9	112	104	-8	151	144	-7
15	TH Hà Khẩu	55			64			9		9	70	64	-6	191	186	-5
16	TH Việt Hưng	36			41			5		5	45	41	-4	102	98	-4
17	TH Nguyễn Bá Ngọc	39			46			7	2	5	51	46	-5	194	189	-5
18	TH Trới	58			64			6		6	69	64	-5	129	124	-5
19	TH Lê Lợi	32			35			3		3	37	35	-2	65	63	-2
20	TH Sơn Dương	33			37			4		4	38	37	-1	114	113	-1

STT	Họ tên	Biên chế giao dự toán 2023 (Theo QĐ 1999/QĐ-UBND, QĐ 3010/QĐ-UBND, các QĐ điều chỉnh trong năm)	Biên chế (người)								Định biên (người)			Kinh phí còn được chi điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Trong đó	
			Trong đó		Biên chế giao theo QĐ 2938 ngày 06/10/2023	Trong đó		Biên chế giao theo QĐ 2938 chênh lệch tăng (+), giảm (-) so với BC đã giao năm 2023	Trong đó		Định biên là 1/2023 QĐ 3584/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	Định biên giao theo QĐ 2938	Chênh lệch định biên tăng (+), giảm (-)		Kinh phí cấp tăng (+), giảm (-)	Chỉ tiêu 10% tiết kiệm chi thường xuyên tăng (+), giảm (-)
			Số có mặt	Số biên chế không có mặt tạm giao quỹ tiền lương		Số có mặt	Số biên chế không có mặt tạm giao quỹ tiền lương		Biên chế tăng (+); giảm (-) người có mặt	Biên chế tăng (+); giảm (-) người không có mặt						
III	Khối THCS	48	45	3	61	45	16	13	0	13	62	61		221	220	-1
1	THCS Lê Lợi	25			31			6		6	31	31	0	33	33	
2	THCS Sơn Dương	23			30			7		7	31	30	-1	188	187	-1
IV	TH- THCS	486	449	37	548	443	105	62	-6	68	580	563	-17	1.600	1.583	-17
1	TH-THCS Bãi Cháy 2															
+	Tiểu học	33			36			3	-1	4	36	36	0	77	77	
2	TH-THCS Hùng Thắng															
+	Tiểu học	25			29			4		4	28	29	1	115	116	1
3	TH-THCS Tuần Châu															
+	Tiểu học	9			10			1		1	10	10	0	27	27	
4	TH-THCS Minh Khai															
+	Tiểu học	36			39			3		3	39	39	0	80	80	
5	TH-THCS Nguyễn Viết Xuân															
+	Tiểu học	15			16			1		1	18	16	-2	11	9	-2
6	TH-THCS Hà Trung															
+	Tiểu học	29			31			2	-1	3	34	31	-3	30	27	-3
+	THCS	33			32			-1		-1	33	32	-1	-46	-47	-1
7	TH-THCS Thống Nhất															
+	Tiểu học	31			33			2		2	33	33	0	61	61	
+	THCS	25			33			8		8	31	33	2	244	246	2
8	TH-THCS Núi Mần															
+	Tiểu học	21			16			-5	-4	-1	24	16	-8	-276	-284	-8
+	THCS	13			19			6	1	5	16	19	3	201	204	3
9	TH-THCS Dân Chủ - Quảng La															
+	Tiểu học	31			26			-5	-3	-2	36	26	-10	-295	-305	-10
+	THCS	10			15			5	-1	6	15	15	0	145	145	
10	TH-THCS Bằng Cả															
+	THCS	10			16			6		6	14	16	2	192	194	2
11	TH-THCS Tân Dân															
+	Tiểu học	17			19			2		2	21	19	-2	43	41	-2
+	THCS	11			14			3		3	14	14	0	89	89	
12	TH-THCS Vũ Oai															
+	Tiểu học	12			12						16	12	-4	-37	-41	-4
+	THCS	10			14			4		4	13	14	1	124	125	1
13	TH-THCS Hòa Bình															
+	Tiểu học	9			9				1	-1	9	9	0	51	51	
+	THCS	10			14			4	1	3	13	14	1	164	165	1
14	TH-THCS Đồng Lâm 1															
+	Tiểu học	13			13						16	13	-3	-31	-35	-4

STT	Họ tên	Biên chế giao dự toán 2023 (Theo QĐ 1999/QĐ-UBND, QĐ 5010/QĐ-UBND, các QĐ điều chỉnh trong năm)	Biên chế (người)						Định biên (người)			Kinh phí còn được chi điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Trong đó			
			Trong đó		Biên chế giao theo QĐ 2938 ngày 06/10/2023	Trong đó		Biên chế giao theo QĐ 2938 chênh lệch tăng (+), giảm (-) so với BC đã giao năm 2023	Trong đó		Định biên kì 1/2023 QĐ 3584/QĐ-UBND ngày 21/9/2022		Định biên giao theo QĐ 2938	Chênh lệch định biên tăng (+), giảm (-)	Kinh phí cấp tăng (+), giảm (-)	Chỉ tiêu 10% tiết kiệm chi thường xuyên tăng (+), giảm (-)
			Số có mặt	Số biên chế không có mặt tạm giao quỹ tiền lương		Số có mặt	Số biên chế không có mặt tạm giao quỹ tiền lương		Biên chế tăng (+); giảm (-) người có mặt	Biên chế tăng (+); giảm (-) người không có mặt						
+	THCS	10			14			4		4	13	14	1	129	130	1
15	TH-THCS Đồng Lâm 2															
+	THCS	11			14			3	-1	4	13	14	1	58	59	1
16	TH-THCS Đồng Sơn															
+	Tiểu học	26			28			2		2	26	28	2	82	84	2
+	THCS	13			18			5	1	4	15	18	3	216	220	4
17	TH-THCS Kỳ Thượng															
+	Tiểu học	14			14				1	-1	16	14	-2	-17	-19	-2
+	THCS	9			14			5		5	13	14	1	163	164	1